

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 – ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2026/DS-ST

Ngày 20-3-2026

V/v “Tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản và hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Phương Trang;
2. Ông Lê Thành Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Loan là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Lê Bình Nguyên - Kiểm sát viên.

Vào ngày 20 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 416/2025/TLST-DS, ngày 13 tháng 10 năm 2025, về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2026/QĐXXST-DS ngày 04/02/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2026/QĐST-DS ngày 27/02/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Đặng Thị T**, sinh năm 1961 (Có mặt).

Địa chỉ: **khóm A, phường H, tỉnh Đồng Tháp.**

- *Bị đơn:* 1/ Bà **Phạm Thị S**, sinh năm 1987 (Vắng mặt);

2/ Ông **Huỳnh Văn K**, sinh ngày 1987 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: **khóm C, phường H, tỉnh Đồng Tháp.**

- *Người làm chứng:*

1. Bà **Trần Thị L**, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

Địa chỉ: **khóm B, phường H, tỉnh Đồng Tháp.**

2. Bà **Nguyễn Thị Minh H**, sinh năm 1985 (Vắng mặt).

Địa chỉ: **khóm D, phường H, tỉnh Đồng Tháp.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà T trình bày:* Vào ngày 05/10/2024, vợ chồng ông **Huỳnh Văn K** và bà **Phạm Thị S** vay tiền của bà số tiền là 120.000.000đồng, vay với hình thức

trả góp, mục đích vay là tiêu dùng. Phía ông **K**, bà **S** giao cho bà 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin. Sau đó, ông **K** đã mượn lại 01 giấy đất, bà còn giữ 01 giấy đất.

Vợ ông **K** là bà **S** làm chủ hội thì bà có tham gia chơi hội nhiều chân hội của nhiều dây hội. Cụ thể: Như hội ngày, hội tuần và cả việc bà mua hội lại của người khác. Tổng cộng bà tham gia là 22 đầu hội gồm: Hội ngày 6/7 bà hốt chót mà bà **S** không giao tiền cho bà là 34.500.000đồng; Hội ngày 16/7 bà châu được 51 ngày là 25.000.000đồng; Hội ngày 29/8 bà châu được 21 ngày là 20.000.000đồng; Thêm phần bà mua hội của thành viên khác cụ thể: Mua hội là hội ngày 16/7, người ta châu được 51 ngày bà mua lại là 35.000.000đồng, còn thêm các phần bà mua lại do bà **S** kêu, bà không biết mua lại của ai là hội ngày 6/7 với số tiền 34.500.000đồng; Hội ngày 16/7 với số tiền 34.500.000đồng; Hội ngày 16/7 với số tiền 39.500.000đồng; Hội ngày 29/7 với số tiền 34.500.000đồng; **C** với tiền hội tuần 43.000.000đồng và hội tuần 133.000.000đồng. Tổng cộng tiền hội bà **S** thiếu bà là 425.500.000đồng.

Theo đơn khởi kiện bà **Đặng Thị T** yêu cầu bà **Phạm Thị S** và ông **Huỳnh Văn K** phải trả cho bà tổng số tiền 545.500.000đồng (Năm trăm bốn mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng). Trong đó tiền vay 120.000.000đồng và tiền hội 425.500.000đồng.

Nhưng theo bản khai ngày 09/02/2026 bà **T** chỉ yêu cầu bà **Phạm Thị S** và ông **Huỳnh Văn K** trả cho bà số tiền vay là 120.000.000đồng và tiền hội 300.500.000đồng. Tổng cộng là 420.500.000đồng.

Hiện nay bà còn giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 128464 cấp ngày 02/12/2019, do ông **Huỳnh Văn K** đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (ông **K** nhận chuyển nhượng của bà **Huỳnh Thị T1**). Bà chỉ yêu cầu ông **K** và bà **S** trả tiền vay và tiền hội cho bà chứ bà không có yêu cầu hay tranh chấp gì đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà đang giữ của ông **K**. Bà tự nguyện trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông **K** khi ông **K** và bà **S** thanh toán dứt nợ cho bà số tiền vay và số tiền hội nêu trên.

Tại phiên toà nguyên đơn bà **T** trình bày: Nay bà tự nguyện rút lại một phần yêu cầu đối với số tiền hội, bà **T** chỉ yêu cầu bà **Phạm Thị S** và ông **Huỳnh Văn K** cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền vay 120.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi, còn số tiền hội 300.500.000đồng thì bà tự nguyện rút lại yêu cầu, bà sẽ thu thập chứng cứ thêm để khởi kiện thành vụ án khác.

Bị đơn bà **Phạm Thị S** và ông **Huỳnh Văn K** không có mặt tại địa phương.

- Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Đồng Tháp:

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa xét xử sơ thẩm Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà **Đặng Thị T** đối với số tiền vay 120.000.000đồng. Riêng đối với số tiền hội 300.500.000đồng thì bà **T** tự nguyện rút lại yêu cầu nên đề nghị đình chỉ yêu cầu này theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ kiện “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và hui” nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà **Phạm Thị S** và ông **Huỳnh Văn K** vắng mặt nhiều lần, không có lý do. Người làm chứng bà **Nguyễn Thị Minh H**, bà **Trần Thị L** vắng mặt, có đơn xin vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xét xử vắng mặt các đương sự này. Vì vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

- Xét yêu cầu của nguyên đơn bà **Đặng Thị T** về việc yêu cầu bà **Phạm Thị S** và ông **Huỳnh Văn K** cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền vay 120.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử xét thấy:

+ Đối với số tiền vay: Bà **T** có cung cấp cho Tòa án chứng cứ là Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 27/7/2024, số tiền vay 100.000.000đồng, hình thức là vay trả góp, có chữ ký tên và ghi họ tên của **Huỳnh Văn K** và bà **Phạm Thị S**; Đến ngày 05/10/2024 thì hai bên có làm biên nhận với nội dung mượn lại 01 giấy đất và ghi số tiền mượn là 120.000.000đồng, phía sau biên nhận có ghi nội dung hứa trả cho bà **T** số tiền 50.000.000đồng, rồi số hui đang chơi với tiền mượn trong bằng phán mỗi ngày đưa góp lại là 2.000.000đồng. Theo xác nhận của **Công an phường H** thì ông **Huỳnh Văn K** và bà **Phạm Thị S**, không có mặt tại địa phương, đi đâu, làm gì, không rõ.

Do đó, xác định việc vợ chồng ông **Huỳnh Văn K** và bà **Phạm Thị S** có vay tiền của bà **Đặng Thị T** số tiền 120.000.000đồng là có thật. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Đối với số tiền hui: Bà **T** cung cấp cho Tòa án những giấy tính tiền hui do bà **T** tự viết và tự tính số tiền, Nhưng không tính cụ thể rõ ràng từng chân hui của từng dây tham gia và quan trọng là không có xác nhận nợ của phía bị đơn.

Những người làm chứng như: Bà **Nguyễn Thị Minh H**, bà **Trần Thị L** có biết bà **S** có làm chủ hui và bà **T** có tham gia chơi hui của bà **T**, bà **T** có mua hui của người khác do bà **S** làm chủ nhưng không biết rõ số tiền chơi hui và số tiền mua hui là bao nhiêu.

Bà **T** không biết những người bà mua hui là ai, vì bà **S** nói có người muốn bán hui rồi kêu bà mua lại, bà tin bà **S** nên đồng ý mua chứ không biết những chân hui đó là do thành viên (người) nào chơi hui. Bà **T** xác định việc bà mua hui và có giao tiền mua hui cho bà **S** là có thật. Nhưng bà **T** chưa cung cấp được chứng cứ chứng minh phía bị đơn còn thiếu tiền hui của bà như bà đã trình bày.

Tại phiên toà nguyên đơn bà **T** trình bày: Nay bà tự nguyện rút lại một phần yêu cầu đối với số tiền hui 300.500.000đồng, bà tự nguyện rút lại yêu cầu này, bà sẽ thu thập chứng cứ thêm để khởi kiện thành vụ án khác.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, đình chỉ một phần vụ án đối với bà **Đặng Thị T** về việc yêu cầu ông **Huỳnh Văn K** và bà **Phạm Thị S** trả cho bà **T** số tiền hui 300.500.000đồng là phù hợp theo quy định pháp luật.

Đối với 01 (Một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 128464, cấp ngày 02/12/2019, do ông **Huỳnh Văn K** đứng tên (ông **K** nhận chuyển nhượng của bà **Huỳnh Thị T1**). Bà **T** không có yêu cầu hay tranh chấp gì đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này của ông **K**. Bà **T** tự nguyện trả lại giấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông **K** khi ông **K** và bà **S** thanh toán dứt nợ cho bà. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở để chấp nhận như phân tích ở trên.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Về án phí:

+ Ông **Huỳnh Văn K** và bà **Phạm Thị S** phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

+ Bà **Đặng Thị T** là người cao tuổi nên được miễn tiền tạm ứng án phí và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 157, 165, 217, 227, 228, 229, 235, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 116, 117, 288, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Đặng Thị T**.

Buộc ông **Huỳnh Văn K** và bà **Phạm Thị S** phải có trách nhiệm liên đới trả nợ vay cho bà **Đặng Thị T** số tiền 120.000.000đồng, không tính tiền lãi.

2. Đình một phần vụ án đối với bà **Đặng Thị T** về việc yêu cầu ông **Huỳnh Văn K** và bà **Phạm Thị S** trả cho bà **T** số tiền hui 300.500.000đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu

thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Đối với 01 (Một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 128464, cấp ngày 02/12/2019, do ông **Huỳnh Văn K** đứng tên (ông **K** nhận chuyển nhượng của bà **Huỳnh Thị T1**). Bà **T** không có yêu cầu hay tranh chấp gì đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này của ông **K**. Bà **T** tự nguyện trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông **K** khi ông **K** và bà **S** thanh toán dứt nợ cho bà. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông **Huỳnh Văn K** và bà **Phạm Thị S** phải chịu 6.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà **Đặng Thị T** là người cao tuổi nên được miễn tiền tạm ứng án phí và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phương Trang Lê Thành Trung Nguyễn Phương T2

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 12 – Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phương Thảo

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thiện Bửu

Bùi Minh Châu

Nguyễn Phương T2

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phương Thảo